

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính 2012

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP N	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tời thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyên phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2012

Số : *13* /BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2012 được lập ngày 22 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 đã có ý kiến ngoại trừ về việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cũng như không thu thập được thêm các bằng chứng kiểm toán để lượng hóa ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của công ty.
- Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm tồn kho tại thời điểm 31/12/2012 (được trình bày tại mục V.3 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính) cũng như giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ của Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt.

- Năm 2012 Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt ghi nhận vốn hóa chi phí lãi vay chưa đúng quy định là 583.347.918 đồng, chưa phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn vào chi phí trong kỳ là 1.800.039.345 đồng, chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 1.465.236.457 đồng. Nếu thực hiện ghi nhận các khoản chi phí này thì lợi nhuận của các cổ đông Công ty mẹ sẽ giảm 3.031.945.767 đồng và lợi nhuận của cổ đông thiểu số sẽ giảm 816.677.953 đồng.
- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt chưa được kiểm toán, tổng tài sản của Công ty này tại thời điểm 31/12/2012 là 25.329.072.009 đồng. Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng (nếu có) của số liệu nêu trên liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2012:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và mười (10) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản bằng tiếng Việt và 9 bản bằng tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
 Tổng giám đốc
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Cao Thị Hà
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1787/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		268.295.700.775	283.060.280.099
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.469.444.167	5.721.784.417
1 Tiền	111	V.1.	3.469.444.167	5.721.784.417
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.337.464.535	137.196.671.753
1 Phải thu của khách hàng	131		99.821.366.721	88.523.378.804
2 Trả trước cho người bán	132		251.947.177	637.484.468
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	50.881.002.110	51.157.459.624
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.616.851.473)	(3.121.651.143)
IV Hàng tồn kho	140		112.133.479.589	127.722.229.483
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	112.133.479.589	127.722.229.483
V Tài sản ngắn hạn khác	150		6.355.312.484	12.419.594.446
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.742.354.995	1.108.169.214
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.980.665.234
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	36.483.280	101.904.486
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	4.576.474.209	8.228.855.512
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		209.252.582.586	188.242.716.638
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		174.424.032.531	166.616.773.969
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	146.749.917.054	150.221.308.456
- Nguyên giá	222		213.345.717.895	199.592.175.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.595.800.841)	(49.370.866.990)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	4.705.312.404	4.941.151.213
- Nguyên giá	228		5.906.495.390	5.943.395.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.201.182.986)	(1.002.244.177)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	22.968.803.073	11.454.314.300
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.1	24.685.354.237	12.318.616.507
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.317.110.241	8.018.817.911
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.299.798.596
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.086.347.168	3.672.551.952
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	4.885.722.937	3.471.927.721
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
VI Lợi thế thương mại	269		5.056.848.650	5.634.774.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		477.548.283.361	471.302.996.737

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		387.766.271.036	340.416.939.240
I Nợ ngắn hạn	310		303.268.472.124	282.090.032.296
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	212.668.766.624	216.851.245.619
2 Phải trả người bán	312		66.537.968.354	56.019.534.698
3 Người mua trả tiền trước	313		4.796.574.184	2.248.771.485
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	1.924.041.185	3.014.868.632
5 Phải trả người lao động	315		1.999.505.132	1.814.624.112
6 Chi phí phải trả	316		11.904.562.726	327.632.368
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	2.754.371.344	1.062.300.644
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		682.682.575	751.054.738
II Nợ dài hạn	330		84.497.798.912	58.326.906.944
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	84.490.677.589	58.326.906.944
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		7.121.323	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		86.177.599.420	123.252.288.591
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	86.177.599.420	123.252.288.591
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	5.997.059.645
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.041.535.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	101.906.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(35.842.116.526)	2.098.936.381
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.604.412.905	7.633.768.906
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		477.548.283.361	471.302.996.737

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Vương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	532.071.053.856	739.475.323.013
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		207.883.681	489.318.565
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	531.863.170.175	738.986.004.448
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	492.028.262.201	680.430.962.623
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.834.907.974	58.555.041.825
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	187.764.046	28.043.702.477
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	49.118.433.981	54.456.014.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.575.354.853	48.891.086.754
8 Chi phí bán hàng	24		4.790.280.747	4.591.200.553
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.408.407.111	25.915.924.908
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(38.294.449.819)	1.635.604.833
11 Thu nhập khác	31		100.560.983	86.767.164
12 Chi phí khác	32		1.183.396.865	167.583.460
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.082.835.882)	(80.816.296)
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(599.643.670)	(501.139.755)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(39.976.929.371)	1.053.648.782
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	405.471.993
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(39.976.929.371)	648.176.789
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(3.279.356.001)	(314.449.584)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(36.697.573.370)	962.626.373
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	(3.763)	199

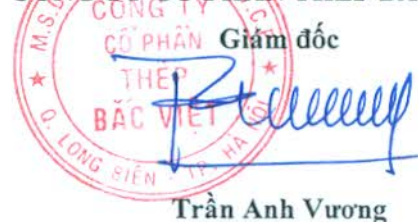
Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		614.964.356.694	894.209.353.807
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(553.838.315.107)	(828.719.273.935)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.993.225.524)	(19.248.698.040)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(38.033.596.872)	(48.404.965.782)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(358.606.437)	(892.977.035)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.076.588.030	12.056.739.396
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.032.910.351)	(27.834.939.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.784.290.433	(18.834.761.442)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.536.275.336)	(4.537.901.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		102.300.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.966.381.400)	(11.821.788.996)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		355.510.878	1.112.839.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.044.845.858)	(15.246.851.789)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	8.965.947.400
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		344.154.639.068	501.551.066.065
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(322.146.045.343)	(500.610.490.820)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.008.593.725	9.906.522.645
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.251.961.700)	(24.175.090.586)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	5.721.784.417	29.932.374.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(378.550)	(35.499.566)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	3.469.444.167	5.721.784.417

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyên phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

- 1. Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
 - 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 91%
 - 3. Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80,6%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80,6%
- 5. Danh sách các Công ty liên doanh liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**
- 1. Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 34%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
 - 2. Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Võng Thị, Tây Hồ, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 25%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%
 - 3. Công ty TNHH Nippon steel metal & Sumikin Metal Products Việt Nam Địa chỉ: xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tỷ lệ phần sở hữu: 24%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số VI.24.

012
CÔN
CH NH
TOÁN
VIỆT
VIỆT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2012. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm ></u>
Quyền sử dụng đất	45-48
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt, Công ty TNHH MTV Lim Royal, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt, Cty TNHH Nippon steel & Sumikin Metal Products Việt Nam được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các chi phí thực tế phát sinh để mua sắm và xây dựng dự án Logistic Bắc Ninh và Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ, xây dựng nhà máy sản xuất kết cấu, cơ khí sản phẩm cho xây dựng công nghiệp, giàn giáo bằng thép ...được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp

14.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	271.285.446	1.631.036.862
Tiền gửi ngân hàng	3.198.158.721	4.090.747.555
Cộng	3.469.444.167	5.721.784.417

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác	50.881.002.110	51.157.459.624
<i>Nguyễn Ngọc Mẫn</i>	171.308.036	171.308.036
<i>Công ty TNHH Nipon Steel & Sumikin</i>	52.930.000	-
<i>Vũ Hữu Trí</i>	-	1.095.000.000
<i>Nguyễn Văn Mừng</i>	47.520.000.000	48.000.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	3.136.764.074	1.891.151.588
Cộng	50.881.002.110	51.157.459.624
3. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.916.761.017	2.623.390.065
Công cụ, dụng cụ	189.794.903	587.235.430
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	55.782.002.468	35.040.321.118
Thành phẩm (*)	15.573.959.398	26.885.935.222
Hàng hoá	38.670.961.803	62.585.347.648
Cộng giá gốc hàng tồn kho	112.133.479.589	127.722.229.483
(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 34.352.365.184 đồng, thành phẩm là 14.711.567.584 đồng là của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.		
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.483.280	101.904.486
Cộng	36.483.280	101.904.486
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	4.576.474.209	1.722.991.112
<i>Tạ Anh Tuấn</i>	-	94.207.790
<i>Trần Anh Vương</i>	660.681.676	53.986.891
<i>Trần Trọng Nghĩa</i>	441.679.361	-
<i>Nguyễn Hữu Bảo</i>	68.085.548	174.835.548
<i>Ngô Nhật Văn</i>	-	348.938.628
<i>Các đối tượng khác</i>	3.406.027.624	1.051.022.255
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	-	6.505.864.400
Cộng	4.576.474.209	8.228.855.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2012	54.810.686.576	115.725.475.241	21.557.870.429	3.183.683.743	4.314.459.457	199.592.175.446
Mua trong năm	50.385.921	14.124.115.768	130.000.000	124.170.909	65.926.763	14.494.599.361
Đầu tư XD/CB hoàn thành	25.175.975	-	-	-	-	25.175.975
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(234.433.825)	-	-	-	(234.433.825)
Giảm khác	-	(68.518.571)	-	(397.353.728)	(65.926.763)	(531.799.062)
Số dư ngày 31/12/2012	54.886.248.472	129.546.638.613	21.687.870.429	2.910.500.924	4.314.459.457	213.345.717.895
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2012	13.710.412.450	25.311.716.349	7.859.012.079	1.745.802.614	743.923.498	49.370.866.990
Khấu hao trong năm	3.779.554.012	11.395.170.191	1.901.105.677	380.937.329	383.002.100	17.839.769.309
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(217.481.730)	-	-	-	(217.481.730)
Giảm khác	-	-	-	(397.353.728)	-	(397.353.728)
Số dư ngày 31/12/2012	17.489.966.462	36.489.404.810	9.760.117.756	1.729.386.215	1.126.925.598	66.595.800.841
Giá trị còn lại						
Số dư ngày 01/01/2012	41.100.274.126	90.413.758.892	13.698.858.350	1.437.881.129	3.570.535.959	150.221.308.456
Tại ngày 31/12/2012	37.396.282.010	93.057.233.803	11.927.752.673	1.181.114.709	3.187.533.859	146.749.917.054

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 121.220.378.174 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.214.561.088 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Đền bù giải phóng mặt bằng	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2012	5.050.655.390	552.740.000	340.000.000	5.943.395.390
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	(36.900.000)	-	(36.900.000)
Số dư ngày 31/12/2012	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000	5.906.495.390
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2012	264.061.530	415.182.652	322.999.995	1.002.244.177
Khấu hao trong năm	115.670.808	103.167.996	17.000.005	235.838.809
Giảm khác	-	(36.900.000)	-	(36.900.000)
Số dư ngày 31/12/2012	379.732.338	481.450.648	340.000.000	1.201.182.986
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2012	4.786.593.860	137.557.348	17.000.005	4.941.151.213
Tại ngày 31/12/2012	4.670.923.052	34.389.352	-	4.705.312.404

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
Công trình nhà xưởng công nghệ	3.323.070.876	5.674.467.190
Công trình nhà xưởng công nghiệp Bắc Việt Thái Bình	19.204.017.114	-
Công trình khác	226.507.351	5.564.639.378
Cộng	22.968.803.073	11.454.314.300

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

9.1 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	4.907.025.496	5.318.056.103
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	2.512.148.745	2.700.761.808
Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin Metal Products VN	12.897.936.000	-
Cộng	20.317.110.241	8.018.817.911

9.2 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.847.341.596
Cộng	-	4.368.243.996	-	4.299.798.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm 2012
 (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí dụng cụ	3.136.213.887	2.289.334.499
Chi phí khác	1.749.509.050	1.182.593.222
Cộng	4.885.722.937	3.471.927.721

11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	212.668.766.624	216.851.245.619
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	109.329.390.312	129.977.378.000
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình(2)	62.431.476.800	47.175.772.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt(3)	33.764.253.450	34.180.000.000
Vũ Hồng Thủy	1.745.021.913	1.743.400.830
Nguyễn Vũ Giang	82.749.709	85.067.465
Các đối tượng khác	5.315.874.440	3.689.627.324
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	212.668.766.624	216.851.245.619

(1). Là khoản vay của Ngân hàng thương mại Cổ phần xăng dầu Petrolimex theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Đến thời điểm 31/12/2012 trong tổng số vay bằng VND có 15.813.800.000 đồng đã gia hạn thanh toán và đã quá hạn thanh toán 14.874.309.312 đồng
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Đến thời điểm 31/12/2012 trong tổng số vay bằng USD có 959.000USD đã quá hạn thanh toán.
- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo hợp đồng hạn mức số 4444.107 ngày 25 tháng 08 năm 2011 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển với tổng giá trị là 71,5 tỷ.

(2) Theo HĐ hạn mức tín dụng số 019/IVBMD - HĐHM/2012 kí ngày 27/03/2012, hạn mức 3.000.000 USD, mục đích vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn lưu động của Bên Vay, Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định tại thời điểm giải ngân, lãi suất tại thời điểm 27/3 là 19,5%/1 năm với VND và 6,8%/1 năm với USD. Tài sản đảm bảo là : Quyền sử dụng đất 42.350 m2 tại Cụm khu công nghiệp Vinashin Đình Vũ, Hải Phòng có tổng giá trị là : 13.600.878.958 VND và toàn bộ hàng hóa tồn kho của công ty hình thành từ nguồn vốn vay ngân hàng Indovina.

(3). Là khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 118.2011.HĐTD ngày 14/07/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo thứ nhất là tiền đền bù và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất kết cấu thép tại thôn Giang Liễu, Quê võ Bắc Ninh trị giá 6 tỷ đồng, thứ hai là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 13,9 tỷ đồng, thứ ba là hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu.
- Và hợp đồng số 174.2012.HĐTD.BVB-TTKD ngày 27/11/2012, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền sử dụng đất gắn liền trên đất với tổng giá trị là 29.205.000.000 đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 8.400.000.000 đồng và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của bên B.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1.601.743.034	2.868.389.489
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	8.679.028	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.168.315	47.862.386
Thuế thu nhập cá nhân	267.450.808	98.616.757
Cộng	1.924.041.185	3.014.868.632

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	456.802.956	331.970.629
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.694.189.010	255.390.346
Phải trả, phải nộp khác	603.379.378	474.939.669
Cộng	2.754.371.344	1.062.300.644

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	84.490.677.589	58.326.906.944
Ngân hàng Thương mại Cổ phần PG Bank(*)	84.490.677.589	58.326.906.944
Cộng	84.490.677.589	58.326.906.944

(*) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo 2 hợp đồng:

- Hợp đồng hạn mức số 111.09/HĐTD/TH - PN PGB ngày 23 tháng 12 năm 2009 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 năm, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng và máy móc thiết bị. Trị giá tài sản thế chấp là: 101.646.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

- Hợp đồng hạn mức số 585.107/HỆTD/TH-PN/PGB11, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản thế chấp là máy móc thiết bị nhập khẩu mới 100% có nguồn gốc xuất xứ và được mở LC thanh toán qua PG Bank, tổng trị giá tài sản thế chấp là: 12.027.381.582 VND.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	3.269.945.901	117.282.796.701
Lãi trong năm trước	-	-	962.626.373	962.626.373
Giảm khác	-	-	(2.133.635.893)	(2.133.635.893)
Số dư tại ngày 01/01/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	2.098.936.381	116.111.787.181
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	(36.697.573.370)	(36.697.573.370)
Lợi nhuận từ công ty con	-	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận từ công ty liên kết	-	-	168.835.532	-
Phân phối các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Giảm khác	-	-	(749.688.696)	(749.688.696)
Số dư tại ngày 31/12/2012	97.509.480.000	16.503.370.800	(35.842.116.526)	77.701.898.742

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2012

01/01/2012

VND

VND

Vốn góp của các đối tượng khác

97.509.480.000

97.509.480.000

Cộng

97.509.480.000

97.509.480.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2012

Năm 2011

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

97.509.480.000

97.509.480.000

Vốn góp đầu kỳ

97.509.480.000

70.000.000.000

Vốn góp tăng trong kỳ

-

27.509.480.000

Vốn góp giảm trong kỳ

-

-

Vốn góp cuối kỳ

97.509.480.000

97.509.480.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia (trích quỹ)

-

2.039.041.863

d) Cổ phiếu

Năm 2012

Năm 2011

VND

VND

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

10.800.000

9.750.948

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

9.750.948

9.750.948

- Cổ phiếu phổ thông

9.750.948

9.750.948

- Cổ phiếu ưu đãi

-

-

Số lượng cổ phiếu được mua lại

-

-

- Cổ phiếu phổ thông

-

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012
 (tiếp theo)

- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

	01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	5.997.059.645	721.969.780	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.041.535.765	96.262.637	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	101.906.000	48.131.319	-	150.037.319
Tổng cộng	7.140.501.410	866.363.736	-	8.006.865.146

***) Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	532.071.053.856	739.475.323.013
Cộng	532.071.053.856	739.475.323.013

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giảm giá hàng bán	207.883.681	489.318.565
Cộng	207.883.681	489.318.565

18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	531.863.170.175	738.986.004.448
Cộng	531.863.170.175	738.986.004.448

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012
(tiếp theo)

19. Giá vốn hàng bán	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	492.028.262.201	680.430.962.623
Cộng	492.028.262.201	680.430.962.623
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.992.095	212.839.193
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.394.402	193.915.365
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	96.377.549	94.477.579
Lãi từ bán công ty con và chuyển nhượng cổ phiếu	-	27.542.470.340
Cộng	187.764.046	28.043.702.477
21. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	48.575.354.853	48.891.086.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	401.795.021	5.529.427.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	137.388.990	35.499.566
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	3.895.117	-
Cộng	49.118.433.981	54.456.014.008
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(36.697.573.370)	962.626.373
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.763)	99

23. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.469.444.167	5.721.784.417
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.085.517.358	136.559.187.285
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.368.243.996	4.299.798.596
Tổng cộng	153.923.205.521	146.580.770.298
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	297.159.444.213	275.178.152.563
Phải trả người bán và phải trả khác	69.292.339.698	57.081.835.342
Chi phí phải trả	11.904.562.726	327.632.368
Tổng cộng	378.356.346.637	332.587.620.273

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	82.706.353.800	48.899.668.223	372.907.657	682.926.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	69.292.339.698	-	69.292.339.698
Chi phí phải trả	11.904.562.726	-	11.904.562.726
Các khoản vay	212.668.766.624	84.490.677.589	297.159.444.213
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	57.081.835.342	-	57.081.835.342
Chi phí phải trả	327.632.368	-	327.632.368
Các khoản vay	216.851.245.619	58.326.906.944	275.178.152.563

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

(tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.469.444.167	-	3.469.444.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.085.517.358	-	146.085.517.358
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.721.784.417	-	5.721.784.417
Phải thu khách hàng và phải thu khác	136.559.187.285	-	136.559.187.285
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.299.798.596	4.299.798.596

24. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Năm 2012

VND

Lỗ liên kết của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	18.066.756
Lợi thế thương mại của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	429.097.363
Lợi thế thương mại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	157.260.000
Lãi của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	31.353.063
Điều chỉnh chênh lệch gốc vay trên thư xác nhận và sổ kế toán	27.302.075

25. Thông tin hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2012 nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn và công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ. Tuy nhiên, công ty đang thực hiện cơ cấu các khoản vay và trong ngắn hạn, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng sẽ tạo được nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó, công ty vẫn trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

24. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Giám đốc


Trần Anh Vương